



VIỆC THIẾT LẬP QUAN HỆ SẢN XUẤT TẠI CÁC KHU CHẾ XUẤT HIỆN NAY Ở TP.HCM

PTS. NGUYỄN CHƠN TRUNG
hải thừa nhận rằng từ khi có NQĐH 6 và các NQĐH tiếp theo tới nay chúng ta đã đưa đất nước từ chỗ khủng hoảng đến chỗ vượt qua khủng hoảng và phát triển đúng hướng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thành quả này trong đó có nguyên nhân là ta vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan.

Trong lĩnh vực sản xuất trong đó có khu chế xuất, để có chủ trương chính sách đúng đắn ta cần phải tuân thủ một quy luật mang tính chi phối: "quy luật về quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất".

Ở đây để thực hiện tốt quy luật này vấn đề đặt ra là ta phải làm thế nào để quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất tại khu chế xuất.

I. Trước hết ta cần tìm hiểu tính chất và trình độ lực lượng sản xuất trong các khu chế xuất như thế nào?

- Về trình độ lực lượng sản xuất:

Cho tới nay cả hai khu chế xuất đã có 154 xí nghiệp đặt cọc thuê đất với diện tích thuê 128,524 ha trên dự kiến 230 ha đất cho thuê, với tổng vốn dự kiến khoảng 600 triệu USD. Trong đó có 110 công ty đã được Ban quản lý các khu chế xuất cấp phép với 95,104 ha đất thuê, 413,65 triệu USD vốn đầu tư với 38,014 lao động. Đã có 50 xí nghiệp đi vào hoạt động với kim ngạch xuất khẩu 146.304.275 USD (riêng năm 1996 xuất khẩu 100 triệu USD). Hiện có 11.297 công nhân vào làm việc trong các khu chế xuất, trong đó đưa đi nước ngoài đào tạo 370 cán bộ kỹ thuật, quản lý và một số công nhân lành nghề, và có tổ chức 45 công đoàn trong khu chế xuất. Vốn đầu tư bình quân mỗi xí nghiệp là 3,6 triệu USD (Tân Thuận 3,8 triệu USD). Xí nghiệp có vốn đầu tư thấp nhất là 1 triệu USD và cao nhất là 29 triệu USD. Nếu kể cả nhà máy điện Hiệp Phước (hưởng qui chế khu chế xuất) với vốn đầu tư 205 triệu USD thì tổng vốn đầu tư cho tới nay lên đến 618,65 triệu USD.

- Về cơ cấu:

Mặt hàng các khu chế xuất đã cấp phép phần lớn là các ngành: sợi, dệt, da, may, cơ khí chính xác, nhựa, điện tử, vi điện tử, điện công nghiệp và gia dụng, chế biến thực phẩm, bao bì các loại. Đa số máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa cao. Có bộ phận máy móc thiết bị đã qua sử dụng, nhưng giá trị sử dụng còn lại bắt buộc nhà đầu tư phải đảm bảo 80% trở lên, số khoảng 17% xí nghiệp kỹ thuật cao và hằng năm đều có xu hướng tăng lên. Những phương pháp quản lý tiên tiến hiện đại được áp dụng tại các xí nghiệp trong khu chế xuất, đặc biệt là các xí nghiệp Nhật có trình độ tổ chức quản lý rất cao, có hiệu quả. Số nước đầu tư vào các khu chế xuất được xếp thứ tự theo kết quả sau đây (theo biểu mẫu thống kê).

Kết quả đăng ký đầu tư tính đến 15.11.1996:

Khu chế xuất	Số công ty đặt cọc thuê đất	Diện tích đất đã thuê và đặt cọc	
		Diện tích	Số với DTKCX
Tân Thuận	131	111.30 ha	55,6%
Linh Trung	22	22.78 ha	59,4%

Kết quả cấp giấy phép đầu tư (GPĐT) tính đến 15.11.1996:

Khu chế xuất	Số GPĐT	Tổng vốn đầu tư	Diện tích đất thuê	Nhu cầu lao động
Tân Thuận	88	332.44 tr USD	68,96 ha	25.228 người
Linh Trung	15	38,64 tr USD	16,11 ha	10.456 người

Cơ cấu quốc gia, lãnh thổ đầu tư tính theo số GPĐT như sau:

Quốc gia, lãnh thổ	Khu chế xuất Tân Thuận		Khu chế xuất Linh Trung	
	Số GPĐT	Tỉ lệ %	Số GPĐT	Tỉ lệ %
Nhật Bản	41	46,6	1	6,7
Đài Loan	35	39,8	4	26,6
Hàn Quốc	6	6,8	5	33,3
Hồng Kông	4	4,6	4	26,6
Mỹ	1	1,1	1	6,7
Việt Nam	1	1,1		

Nhật Bản đầu tư vào Khu chế xuất sau Đài Loan 1 năm nhưng tăng nhanh, nay đã chiếm tỉ lệ cao nhất.

- Cơ cấu ngành sản phẩm tính theo số GPĐT như sau:

Ngành sản phẩm	KCX Tân Thuận		KCX Linh Trung	
	Số GPĐT	Tỉ lệ %	Số GPĐT	Tỉ lệ %
Sợi, dệt, may mặc	24	27,3	6	40,0
Túi xách, mũ, giày, găng tay,	9	10,2	6	40,0
Nhựa, cao su	11	12,5		
Cơ khí	14	15,9		
Điện - điện tử	14	15,9		
Chế biến thực phẩm	5	5,7	1	6,7
Các ngành khác	11	12,5	2	13,3

Các ngành sử dụng nhiều lao động đầu tư vào KCX trước và chiếm tỷ lệ cao, các ngành điện tử vào KCX sau và tỉ lệ ngày càng tăng.

Tình hình triển khai sau GPĐT của các xí nghiệp KCX tính đến 15.11.1996:

Khu chế xuất	Đã SX kinh doanh	Đang xây dựng hoặc SX thử	Đang xin giấy phép xây dựng	Chưa triển khai
Tân Thuận	48	26	11	2
Linh Trung	2	8	3	2

Với thành quả bước đầu nêu trên đến năm 2000 sẽ đạt dự kiến: có 230 - 250 xí nghiệp với số vốn đầu tư 800 triệu USD nếu tính cả Nhà máy điện Hiệp Phước là hơn 1 tỷ USD, kim ngạch xuất nhập khẩu từ 2,5 tỷ - 3 tỷ USD, giải quyết việc làm cho 70 - 80.000 lao động trong đó có khoảng 5.000 - 6.000 quản trị viên, chuyên viên kỹ thuật cao cấp, có 40.000 - 50.000 công nhân lành nghề, có khoảng 2.000 chuyên gia nước ngoài.

- Về tính chất của lực lượng sản xuất trong khu chế xuất thuộc các loại hình của CN TBNN trong và ngoài nước mà đại bộ phận là hình thức tô nhượng của Lenin (xí nghiệp 100% vốn nước ngoài) được phép hoạt động theo khuôn khổ Luật đầu tư và qui chế điều lệ khu chế xuất của nhà nước VN.

II. Để quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất nêu trên từ nay đến năm 2000 chúng ta cần làm tốt các nội dung sau đây:

1. Về quan điểm

Cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn nữa vị trí vai trò của các khu chế xuất và có chủ trương chính sách nhất quán về khu chế xuất. Nền gần quy hoạch phát triển khu chế xuất với quy hoạch phát triển thành phố, khu vực và cả nước. Đặc biệt

là gần khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ kỹ thuật cao trong một tổ chức quản lý thống nhất.

2. Về mục tiêu

Nhà nước ta phải phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu sau đây:

- Thu hút các nguồn đầu tư cả trong nước và ngoài nước vào lấp đầy các khu chế xuất theo quy hoạch và qui chế khu chế xuất.

- Giải quyết việc làm cho người lao động.

- Du nhập kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

- Tạo nguồn thu ngoại tệ.

Mục tiêu bao trùm là góp phần tạo động lực để thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa nhằm thúc đẩy nền kinh tế xã hội thành phố phát triển. Đây là vấn đề có tầm quan trọng chiến lược của khu chế xuất trong việc liên kết giữa các khu chế xuất với kinh tế nội địa.

3. Khuyến khích các nhà đầu tư sản xuất mặt hàng sử dụng nhiều nguyên liệu nội địa, tổ chức hệ thống vệ tinh gia công góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp và nông nghiệp thành phố và khu vực phát triển.

4. Cần đa dạng hóa các đối tượng đầu tư và các hình thức đầu tư. Chú trọng hình thức liên doanh hợp tác, cổ phần.

5. Về cơ chế quản lý

Phải kiên trì và mở rộng cơ chế quản lý "một cửa": ngay từ những năm đầu dù cơ sở hạ tầng còn thấp kém nhưng các khu chế xuất vẫn thu hút được các nhà đầu tư, ngoài những nguyên nhân lao động rẻ, có kỹ thuật, chính sách đối mở cửa phù hợp, chính trị ổn định, Luật đầu tư khá cởi mở, nguyên nhân trực tiếp chủ yếu là nhờ thủ tướng cho phép Ban quản lý được thực hiện "chế độ một cửa". Trong đó việc chính phủ cho phép Ban quản lý được quyền cấp phép từ 30 triệu USD trở lại và được các bộ ủy quyền để Ban quản lý có đủ thẩm quyền giải quyết mọi việc về quản lý do các khu chế xuất đặt ra một cách kịp thời và nhanh chóng. Nhờ vậy mà hiện nay thủ tục cấp phép của Ban quản lý chỉ còn 2 tuần, có giấy phép 10 ngày là giải quyết xong thủ tục hành chính về cấp phép. Mặt khác hầu hết các khâu trong vận hành đều có qui trình và công bố qui trình cho nhà đầu tư nắm để cùng thực hiện. Tuy nhiên về việc này cũng chưa giải quyết triệt để, còn một số vướng mắc trong việc ủy quyền một vài bộ. Vì vậy cần luật hóa chế độ một cửa cũng như chế độ ủy quyền, kể cả đối với khu công nghiệp tập trung.

6. Về quản lý các mặt khu chế xuất

Phải chú trọng quản lý về môi trường, xây dựng, tài chính, lao động, máy móc thiết bị v.v... một cách chặt chẽ, nghiêm ngặt: mỗi một nội dung quản lý đều có hướng dẫn và có kiểm tra việc thực hiện đối với nhà đầu tư. Đặc biệt về quản lý môi trường và biện pháp khắc phục. Nếu ô nhiễm mà nhà đầu tư không giải trình rõ ràng biện pháp khắc phục thì chưa cấp phép đầu tư. Ban quản lý kiểm tra việc thực hiện xử lý môi trường của từng xí nghiệp trước và sau khi xây dựng xong, nếu không đạt yêu cầu thì không cấp phép hoạt động. Việc quản lý các thiết bị an toàn lao động về xây dựng, vệ sinh công nghiệp và nội qui về an toàn lao động cũng làm như vậy.

Riêng đối với việc quản lý việc nhập máy móc thiết bị thường ở mức trung bình - tiên tiến, trong chừng mực nhất định chấp nhận cho nhà đầu tư nhập thiết bị đã qua sử dụng nhưng đảm bảo còn 80% giá trị sử dụng trở lên đối với xí nghiệp 100% vốn nước ngoài và chủ yếu hàng hóa đều có giá trị xuất khẩu sang các thị trường trên thế giới kể cả thị trường "khó tính". Bên cạnh đó có chính sách ưu đãi hơn để thu hút loại máy móc thiết bị kỹ thuật cao.

- Về quản lý lao động: đảm bảo quyền lợi người lao động, đồng thời chú trọng lợi ích của nhà đầu tư. Trong đó quan tâm chế độ tiền lương, điều kiện lao động và đối xử giữa chủ với thợ, làm thế nào ngày càng tốt hơn. Vì vậy việc thành lập tổ chức công đoàn trong từng xí nghiệp khu chế xuất là hết sức quan trọng và cần thiết để làm cầu nối giữa chủ và thợ trong khu chế xuất.

- Về quản lý tài chính tiền tệ:

- + Chú trọng nâng tỷ lệ góp vốn phía VN vì tỷ lệ góp vốn VN trong công ty liên doanh cả 2 khu chế xuất là 3/7. Trong một vài chục năm tới tỷ lệ này sẽ là 7/3 nghiêng về phía VN. Đây là vấn đề chiến lược nhằm bảo vệ sự độc lập tự chủ về kinh tế.

- + Bộ tài chính cần ủy nhiệm cho Ban quản lý các khu chế xuất có ngân sách riêng để tự trang trải trong quá trình quản lý, không nên sống ỷ lại dưới chế độ cấp phát đơn thuần của Bộ tài chính.

- + Chính sách tài chính tiền tệ trong khu chế xuất phải vừa chặt chẽ nhưng rất cởi mở phù hợp dẫn với tập quán thông lệ quốc tế.

7. Về tổ chức quản lý

Ban quản lý các khu chế xuất được chính phủ bổ nhiệm và được giao quyền quản lý một cửa trong phạm vi các khu chế xuất. Bộ máy gồm trưởng ban, các phó trưởng ban và các ủy viên ban chuyên trách. Có một vài ủy viên kiêm nhiệm trong trường hợp cần thiết. Các phòng ban trực thuộc Ban quản lý gồm phòng đầu tư và thẩm định dự án, phòng doanh nghiệp, phòng xuất nhập khẩu, phòng lao động, trung tâm cung ứng lao động. Tại từng khu chế xuất có các tổ chức chuyên ngành: hải quan, công an, ngân hàng, thuế... vừa trực thuộc Ban quản lý, vừa trực thuộc ngành dọc. Đội ngũ cán bộ các phòng ban tinh gọn, thực hiện theo chế độ chuyên viên, một người có thể làm nhiều việc. Cho đến nay Ban quản lý các khu chế xuất đã dần dần quen với công việc, tích lũy được kinh nghiệm bước đầu và điều hành có hiệu quả việc quản lý các khu chế xuất. Tuy nhiên so với yêu cầu phát triển khu chế xuất, khu công nghiệp sắp tới cần kịp thời nâng cao về số lượng và chất lượng bộ máy quản lý đủ mạnh ngang tầm với nhiệm vụ mới. Vì vậy cần có kế hoạch, có chương trình đào tạo cán bộ quản lý vốn là vấn đề cấp thiết hiện nay. Đó là đội ngũ cán bộ vừa thông thạo nghiệp vụ, vừa vững vàng về lập trường quan điểm.

8. Có kế hoạch đưa lao động vào các khu chế xuất, khu công nghiệp và biển khu chế xuất, khu công nghiệp thành lò đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, đội ngũ công nhân lành nghề cho tương lai là vấn đề chiến lược để thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng được thị trường lao động. Nên hình thành các trung tâm bồi dưỡng nhân lực cho các khu chế xuất, khu công nghiệp. Cần lập quỹ quốc gia về đào tạo nhân lực. Luật pháp cần có qui định nhà đầu tư phải tích cực tham gia công tác đào tạo nghề cho người lao động. Các trường đại học và cao đẳng, các trường dạy nghề cần liên kết với khu chế xuất, khu công nghiệp để gắn chặt giáo dục đào tạo với thực tiễn công nghệ và quản lý tiên tiến. Đó cũng là cách làm thiết thực để nâng hệ thống giáo dục đào tạo ngang tầm với nhiệm vụ mới.

9. Cần xúc tiến việc xây dựng đảng và hệ thống chính trị trong khu chế xuất, khu công nghiệp. Đề nghị Thành ủy cho phép xây dựng đảng ủy khu chế xuất, khu công nghiệp độc lập trực thuộc Thành ủy. Hệ thống chính trị của trong khu chế xuất, khu công nghiệp phải hoạt động theo Luật đầu tư vừa mới ban hành, phải hòa nhập thích nghi với hoàn cảnh đặc thù trong khu chế xuất, khu công nghiệp để làm tốt nhiệm vụ của mình. Đó là một số nội dung bức thiết về quan hệ sản xuất cần được quan tâm để đáp ứng yêu cầu phát triển trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

Tóm lại, vận dụng qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất, ta cần quán triệt sâu sắc lời căn dặn của Lênin: "Không có kỹ thuật đại công nghiệp tư bản được xây dựng trên những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại, không có một tổ chức nhà nước có kế hoạch khiến cho hàng triệu người phải tuân theo hết sức nghiêm ngặt một tiêu chuẩn thống nhất trong công việc sản xuất và phân phối sản phẩm, thì không thể nói đến CNXH được... đồng thời nếu không có sự thống trị của giai cấp vô sản trong nhà nước thì cũng không nói đến CNXH, đó cũng là một điều sơ đẳng" (Lênin toàn tập, tập 43)■